



THIẾT KẾ WEB

Giảng viên: Ths. Nguyễn Đức Thiện

Email: thiennnd1@eaut.edu.vn

Phone: 0974913448

BÀI 3: CSS

Giới thiệu CSS

Khai báo và sử dụng CSS

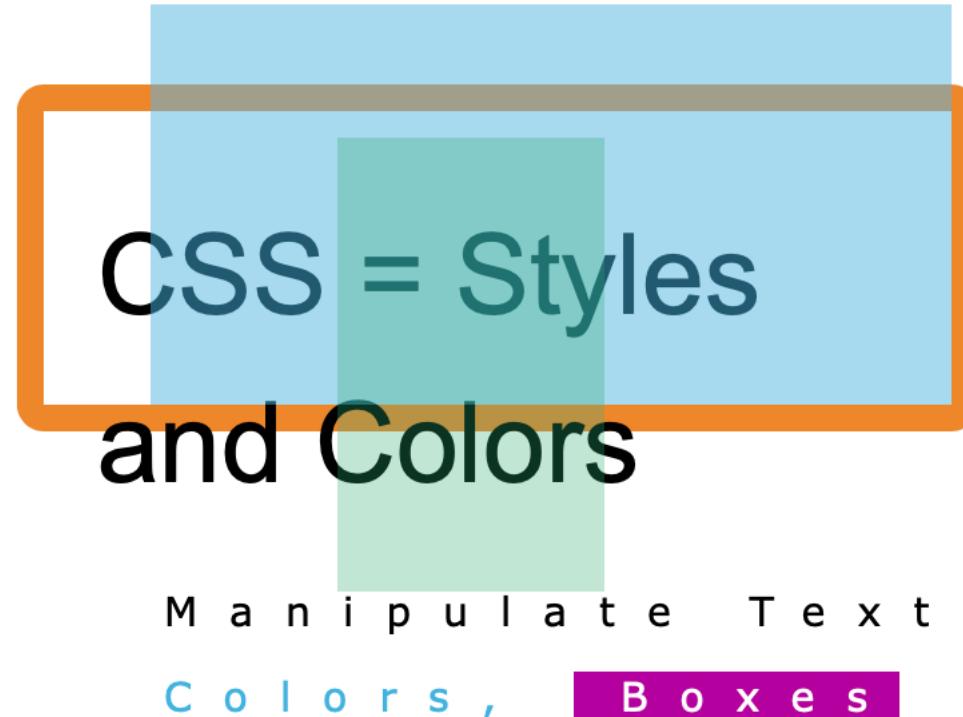
Thực hành CSS cơ bản



- **Giới thiệu CSS**
- **Cách khai báo và sử dụng CSS**
- **Thực hành CSS**

GIỚI THIỆU CSS

- CSS là viết tắt của Cascading Style Sheets
- CSS là ngôn ngữ dùng để tạo phong cách (style) cho tài liệu HTML



KHAI BÁO CSS NỘI BỘ

```
1  <!DOCTYPE html>
2  <html>
3    <head>
4      <style>
5        body {
6          background-color: blue;
7        }
8      </style>
9    </head>
10   <body>
11
12   </body>
13 </html>
```



KHAI BÁO CSS NỘI BỘ (VÍ DỤ)

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
body {background-color: powderblue;}
h1 {color: blue;}
p {color: red;}
</style>
</head>
<body>

<h1>This is a heading</h1>
<p>This is a paragraph.</p>

</body>
</html>
```

This is a heading

This is a paragraph.

KHAI BÁO CSS INLINE

```
1  <!DOCTYPE html>
2  <html>
3  <body style="background-color: blue">
4
5  </body>
6  </html>
7
8
```



KHAI BÁO CSS INLINE (VÍ DỤ)

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<body>

<h1 style="color:blue;">A Blue Heading</h1>

<p style="color:red;">A red paragraph.</p>

</body>
</html>
```

A Blue Heading

A red paragraph.

KHAI BÁO SỬ DỤNG TỆP CSS BÊN NGOÀI

- Tạo tệp CSS và tham chiếu nó trong tài liệu HTML
- Ví dụ tạo tệp styles.css có nội dung:

```
body {  
    background-color: blue;  
}
```

→ Tham chiếu tới tệp style.css trong trang html:

```
<html>  
    <head>  
        <link rel="stylesheet" href="styles.css" />  
    </head>  
    <body>  
        </body>  
</html>
```



"styles.css":

```
body {  
    background-color: powderblue;  
}  
h1 {  
    color: blue;  
}  
p {  
    color: red;  
}
```

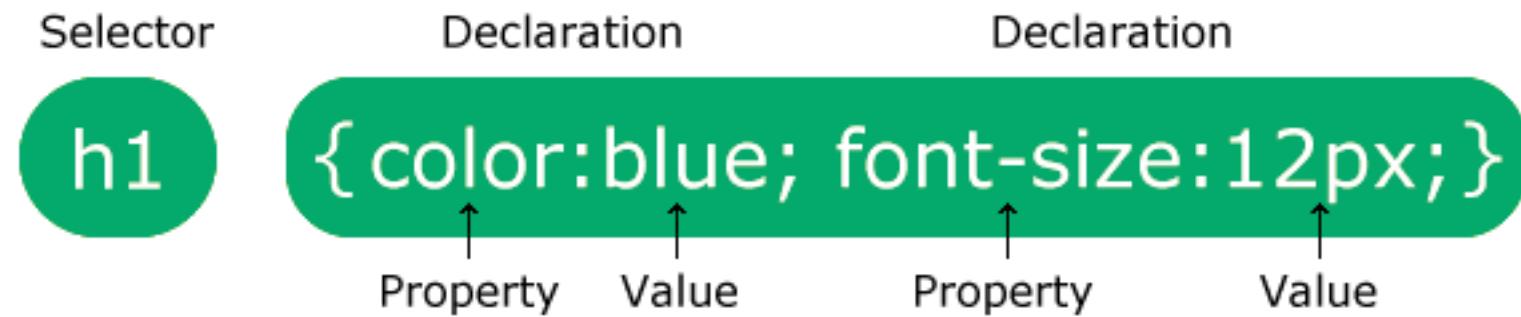
```
<!DOCTYPE html>  
<html>  
<head>  
    <link rel="stylesheet" href="styles.css">  
</head>  
<body>  
  
<h1>This is a heading</h1>  
<p>This is a paragraph.</p>  
  
</body>  
</html>
```

This is a heading

This is a paragraph.

CÚ PHÁP CSS

- Cú pháp CSS bao gồm bộ chọn và khai báo
- Bộ chọn chỉ ra các thành phần HTML bạn muốn áp dụng
- Khối khai báo chứa một hoặc nhiều khai báo cách nhau bằng “;”
- Mỗi khai báo chứa thuộc tính và giá trị của thuộc tính cách nhau “:”



BỘ CHỌN CSS

- Sử dụng để chọn ra các thành phần HTML muốn tạo phong cách riêng
 - Có thể chia bộ chọn thành 5 loại:
 - Bộ chọn đơn giản theo id, tên thẻ, lớp
 - Bộ chọn kết hợp lựa chọn thành phần theo mối quan hệ giữa chúng
 - Bộ chọn lớp giả lựa chọn thành phần theo trạng thái của nó
 - Bộ chọn thành phần giả: lựa chọn và chỉnh phong cách từng phần
 - Bộ chọn thuộc tính: lựa chọn theo thuộc tính hoặc giá trị thuộc tính
- (xem thêm: https://www.w3schools.com/css/css_selectors.asp)

BỘ CHỌN THÀNH PHẦN THEO TÊN THẺ

- Lựa chọn các thành phần trong trang HTML theo tên thẻ
- Ví dụ áp dụng cho thẻ p trong trang HTML

```
<p>Hello, World!</p>
```

```
p {  
    text-align: center;  
    color: blue;  
    font-size: large;  
}
```

BỘ CHỌN THÀNH PHẦN THEO ID

- Lựa chọn thành phần trong trang HTML theo id của nó

```
<p id="hello">Hello, World!</p>
```

```
#hello {  
    text-align: center;  
    color: blue;  
    font-size: large;  
}
```

BỘ CHỌN THÀNH PHẦN THEO LỚP (CLASS)

- Lựa chọn thành phần trong trang HTML theo class của nó

```
<p class="hello2">Hello, World!</p>
```

```
.hello2 {  
    text-align: center;  
    color: blue;  
    font-size: small;  
}
```

BỘ CHỌN KẾT HỢP

- Lựa chọn kết hợp giữa tên thẻ và thành phần thẻ đó

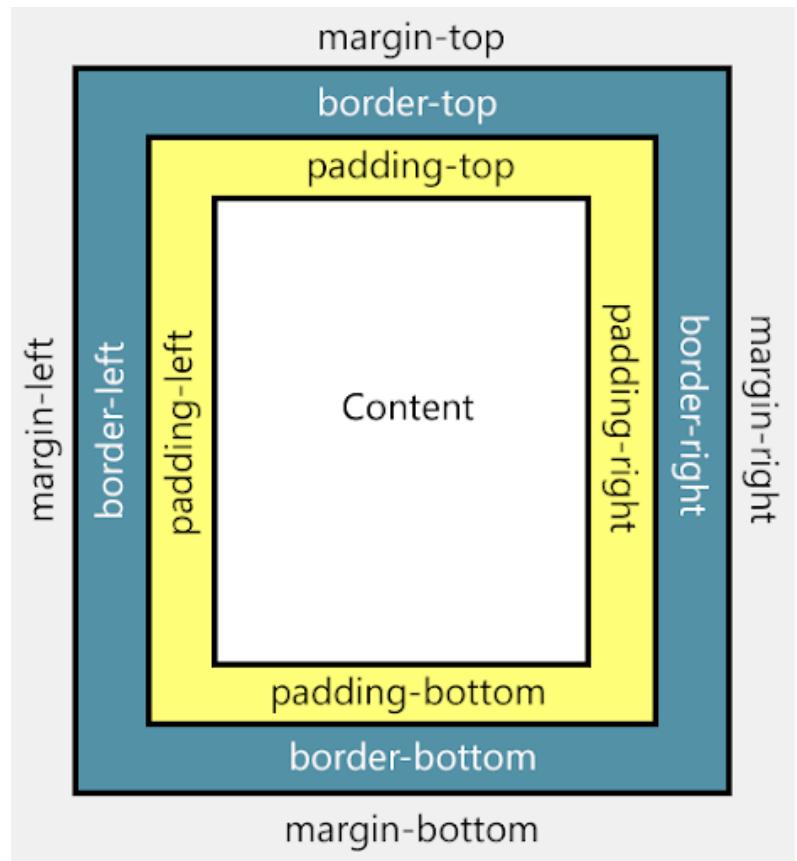
```
<h1 class="center">This heading will not be affected</h1>
<p class="center">This paragraph will be red and center-aligned.</p>
```

```
p.center {
    text-align: center;
    color: red;
}
```

This heading will not be affected

This paragraph will be red and center-aligned.

MARGIN, PADDING, BORDER



- Border: Đường viền xung quanh đối tượng
- Margin: Khoảng không gian xung quanh đối tượng, tính từ các đường viền bao quanh (border) ra phía ngoài
- Padding: Khoảng không gian xung quanh đối tượng, tính từ các đường viền bao quanh (border) vào phía trong

BORDER (VÍ DỤ 1)

```
input {  
    width: 100%;  
    border: 4px solid orange;  
    border-radius: 10px;  
    padding: 10px 20px;  
    margin: 8px 0px;  
    box-sizing: border-box;  
}
```

```
<label for="fullname">Họ và tên: </label>  
<input type="text" name="fullname" id="fullname"/>
```

Họ và tên:

- Thuộc tính **border** xác định màu sắc và độ rộng đường bao
- Thuộc tính **border-radius** xác định bán kính góc bao
- Thuộc tính **border-style** xác định kiểu đường bao (nét liền, nét đứt, nét đôi, nét chấm..)

BORDER (VÍ DỤ 2)

```
p.one {  
    border-style: solid;  
    border-color: red;  
}  
  
p.two {  
    border-style: solid;  
    border-color: green;  
}  
  
p.three {  
    border-style: dotted;  
    border-color: blue;  
}
```

```
<p>This property specifies the color of the four borders:</p>  
  
<p class="one">A solid red border</p>  
<p class="two">A solid green border</p>  
<p class="three">A dotted blue border</p>
```

This property specifies the color of the four borders:

A solid red border

A solid green border

A dotted blue border

BORDER (VÍ DỤ 3)

```
p.dotted {border-style: dotted;}  
p.dashed {border-style: dashed;}  
p.solid {border-style: solid;}  
p.double {border-style: double;}  
p.groove {border-style: groove;}  
p.ridge {border-style: ridge;}  
p.inset {border-style: inset;}  
p.outset {border-style: outset;}  
p.none {border-style: none;}  
p.hidden {border-style: hidden;}  
p.mix {border-style: dotted dashed solid double;}
```

```
<p class="dotted">A dotted border.</p>  
<p class="dashed">A dashed border.</p>  
<p class="solid">A solid border.</p>  
<p class="double">A double border.</p>  
<p class="groove">A groove border.</p>  
<p class="ridge">A ridge border.</p>  
<p class="inset">An inset border.</p>  
<p class="outset">An outset border.</p>  
<p class="none">No border.</p>  
<p class="hidden">A hidden border.</p>  
<p class="mix">A mixed border.</p>
```

A dotted border.

A dashed border.

A solid border.

A double border.

A groove border.

A ridge border.

An inset border.

An outset border.

No border.

A hidden border.

A mixed border.

MARGIN (VÍ DỤ 4)

```
div {  
    border: 1px solid black;  
    margin-top: 100px;  
    margin-bottom: 100px;  
    margin-right: 150px;  
    margin-left: 80px;  
    background-color: lightblue;  
}
```

<h2>Using individual margin properties</h2>

<div>This div element has a top margin of 100px, a right margin of 150px, a bottom margin of 100px, and a left margin of 80px.</div>
<hr>

Using individual margin properties

This div element has a top margin of 100px, a right margin of 150px, a bottom margin of 100px, and a left margin of 80px.

MARGIN (VÍ DỤ 5)

```
div {  
  border: 1px solid black;  
  margin: 25px 50px 75px 100px;  
  background-color: lightblue;  
}
```

- **margin: 25px 50px 75px 100px;**
 - top margin is 25px
 - right margin is 50px
 - bottom margin is 75px
 - left margin is 100px

```
<h2>The margin shorthand property – 4 values</h2>  
  
<div>This div element has a top margin of 25px, a right margin of 50px, a bottom margin of 75px, and a left margin of 100px.</div>  
  
<hr>
```

The margin shorthand property - 4 values

This div element has a top margin of 25px, a right margin of 50px, a bottom margin of 75px, and a left margin of 100px.

PADDING (VÍ DỤ 6)

```
div {  
    border: 1px solid black;  
    background-color: lightblue;  
    padding-top: 50px;  
    padding-right: 30px;  
    padding-bottom: 50px;  
    padding-left: 80px;  
}
```

<h2>Using individual padding properties</h2>

<div>This div element has a top padding of 50px, a right padding of 30px, a bottom padding of 50px, and a left padding of 80px.</div>
<hr>

Using individual padding properties

This div element has a top padding of 50px, a right padding of 30px, a bottom padding of 50px, and a left padding of 80px.

PADDING (VÍ DỤ 7)

```
div {  
    border: 1px solid black;  
    padding: 25px 50px 75px 100px;  
    background-color: lightblue;  
}
```

```
<h2>The padding shorthand property - 4 values</h2>  
  
<div>This div element has a top padding of 25px, a right padding of  
50px, a bottom padding of 75px, and a left padding of 100px.</div>  
<hr>
```

The padding shorthand property - 4 values

This div element has a top padding of 25px, a right padding of 50px, a bottom padding of 75px, and a left padding of 100px.

- **padding: 25px 50px 75px 100px;**
 - top padding is 25px
 - right padding is 50px
 - bottom padding is 75px
 - left padding is 100px

CSS CHO THẺ INPUT (VÍ DỤ 8)

- Thay đổi chiều dài của trường nhập bằng thuộc tính **width**
- Giá trị **width** có thể là giá trị số hoặc dạng %

```
input {  
    width: 50%;  
    background-color:yellow;  
}
```

```
<input placeholder="First-name" type="text" id="firstname"/>  
<input placeholder="Last-name" type="text" id="lastname"/>
```

First-name

Last-name

CSS CHO THẺ INPUT (VÍ DỤ 9)

```
input {  
    width: 100%;  
    background-color: orange;  
    color: white;  
    border: none;  
    padding: 10px 20px;  
    margin: 8px 0px;  
    box-sizing: border-box;  
}
```

```
<label for="fullname">Họ và tên: </label>  
<input type="text" name="fullname" id="fullname"/>
```

Họ và tên:

WHO AM I

- Thuộc tính ***background-color*** xác định màu nền của đối tượng
- Thuộc tính ***color*** xác định màu chữ đối tượng
- Thuộc tính ***box-sizing*** xác định kích thước của box:
 - content-box: Giá trị của width và height chính là giá trị của content
 - border-box: Giá trị của width và height sẽ bao gồm cả giá trị của cả content, border và padding

CSS CHO HỘP CHỌN (VÍ DỤ 10)

```
select {  
    width: 100%;  
    padding: 16px 20px;  
    border: none;  
    border-radius: 4px;  
    background-color: #f1f1f1;  
}
```

```
<form>  
  
<select id="city" name="city">  
  
<option value="hn">Hà Nội</option>  
  
<option value="dn">Đà Nẵng</option>  
  
<option value="hcm">Hồ Chí Minh</option>  
  
</select>  
  
</form>
```



Hà Nội

CSS CHO NÚT BẤM (VÍ DỤ 11)

- Thay đổi màu nền, màu chữ, bo góc tròn, làm to nút bấm

```
input[type=button] {  
    background-color: #4CAF50;  
    border-color: #4CAF50;  
    color: white;  
    padding: 16px 32px;  
    text-decoration: none;  
    margin: 4px 2px;  
    cursor: pointer;  
    border-radius: 8px;  
}
```

```
<input type="button" value="Button">
```



CÂU HỎI

- Câu hỏi 1: Có những cách nào để khai báo CSS trong trang HTML?
- Câu hỏi 2: Phân biệt Border, Padding và Margin?

BOX-SHADOW

- Box-shadow là thuộc tính css được sử dụng để làm bóng cho hộp

- box-shadow:** [inset] <x> <y> <length> <color>;
 - [inset]:** Nếu có **inset** sẽ tạo bóng bên trong
 - <x>:** độ lệch bóng theo hướng ngang
 - <y>:** độ lệch bóng theo hướng đứng
 - <length>:** độ dày của bóng
 - <color>:** màu bóng
 - Nếu <x> và <y> là 0 thì sẽ cho bóng nhòe**
- Ví dụ
 - box-shadow: 5px -5px 10px red;**

Bóng rơi

Bóng nhòe

Bóng bên trong

VÍ DỤ: BOX-SHADOW



VÍ DỤ: BOX-SHADOW

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
    <title>Bóng</title>
    <link href="demo.css" rel="stylesheet" />
</head>
<body>
    <div class="album">
        <div>
            
            
            
        </div>
        <div>
            <button> << </button>
            <button> >> </button>
        </div>
    </div>
</body>
</html>
```

demo.css

```
.album div{
    text-align:center;
}
.album img{
    width: 200px;
    margin:5px;
    border-radius:10px;
    box-shadow:5px 5px 5px blue;
}
.album button{
    border:none;
    border-radius:20px;
    background:white;
    padding:10px 30px;
    margin-top:10px;
    box-shadow:inset 0 0 20px blue;
}
```

BACKGROUND

- Nền của hộp gồm màu nền và ảnh nền.

- **background-color**
 - Màu nền
- **background-image**
 - Ảnh nền
- **background-repeat**
 - Chế độ lặp ảnh nền
- **background-size**
 - Kích thước ảnh nền
- **background-position**
 - Vị trí đặt ảnh nền
- **background-attachment**
 - Chế độ cuộn ảnh nền



VÍ DỤ BACKGROUND

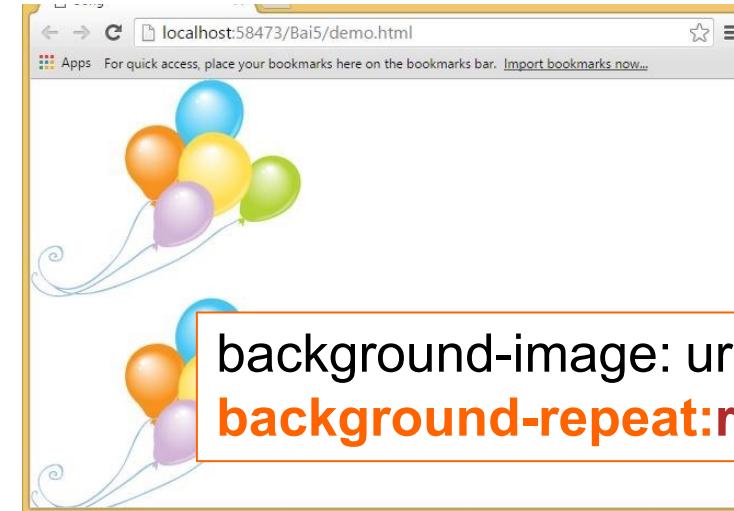
```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
    <title>Bóng</title>
    <style>
        body {
            background-color: red;
            background-image: url('Image/bg.png');
        }
    </style>
</head>
<body>
</body>
</html>
```



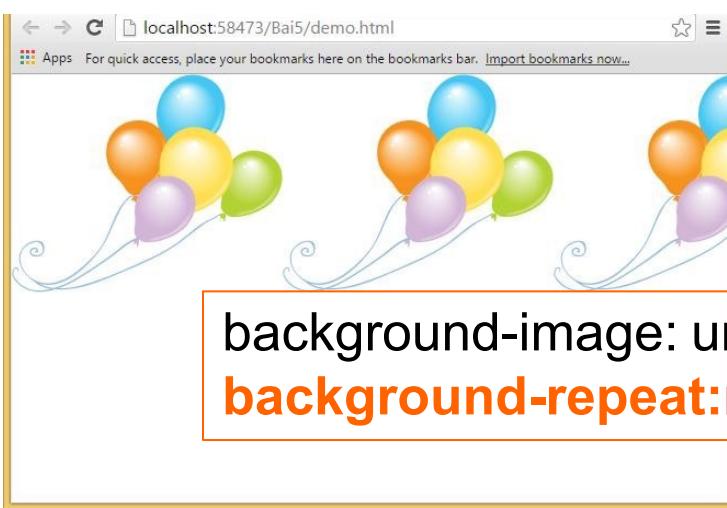
BACKGROUND-REPEAT



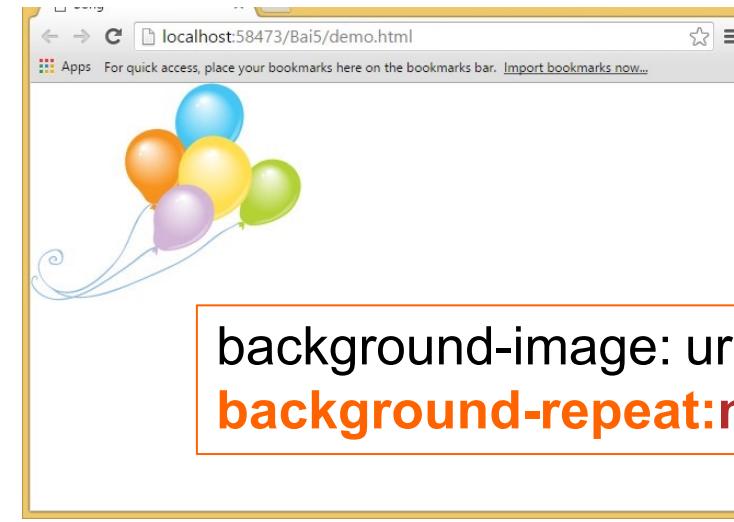
```
background-image: url('Image/bg.png');  
background-repeat:repeat;
```



```
background-image: url('Image/bg.png');  
background-repeat:repeat-y;
```

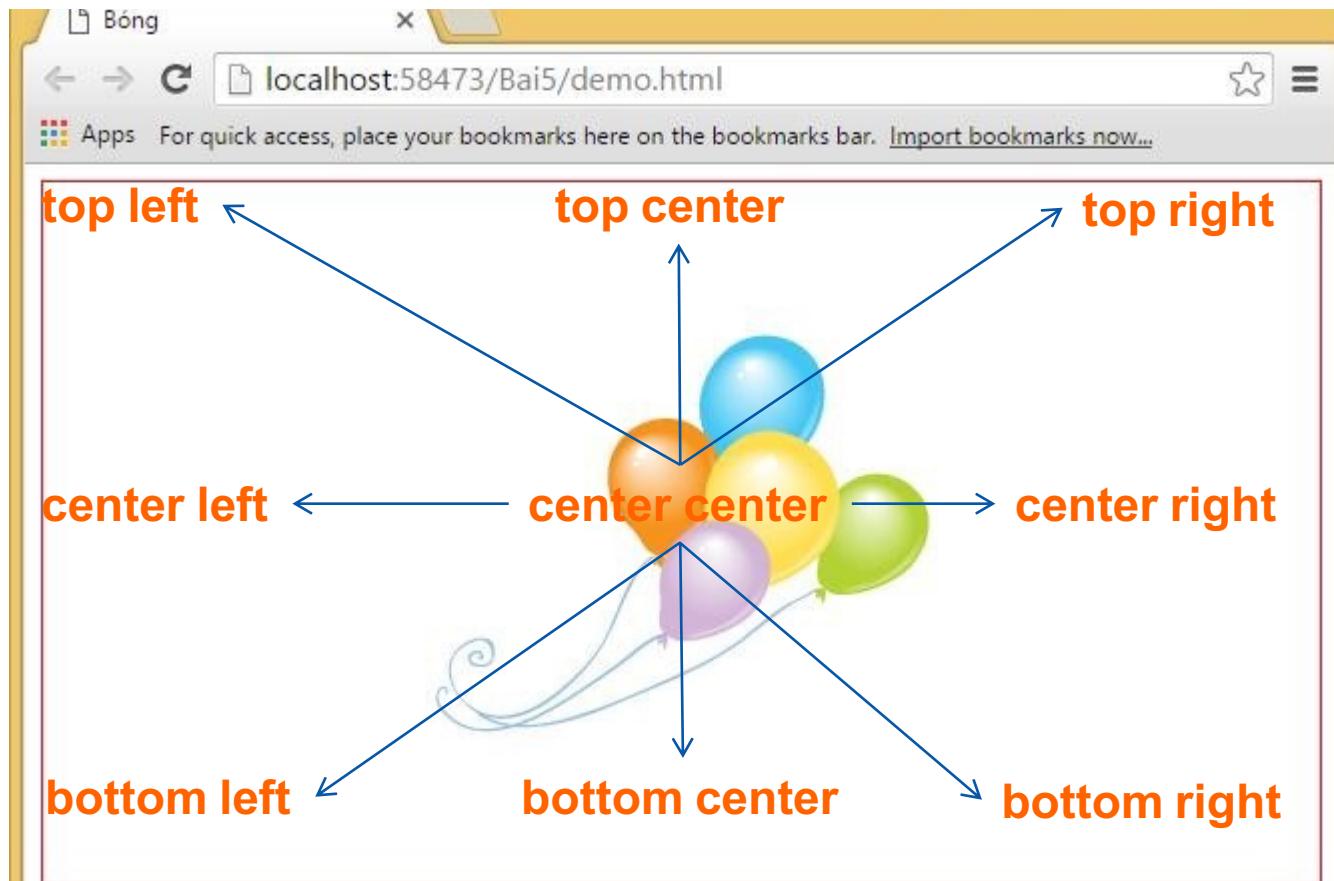


```
background-image: url('Image/bg.png');  
background-repeat:repeat-x;
```



```
background-image: url('Image/bg.png');  
background-repeat:no-repeat;
```

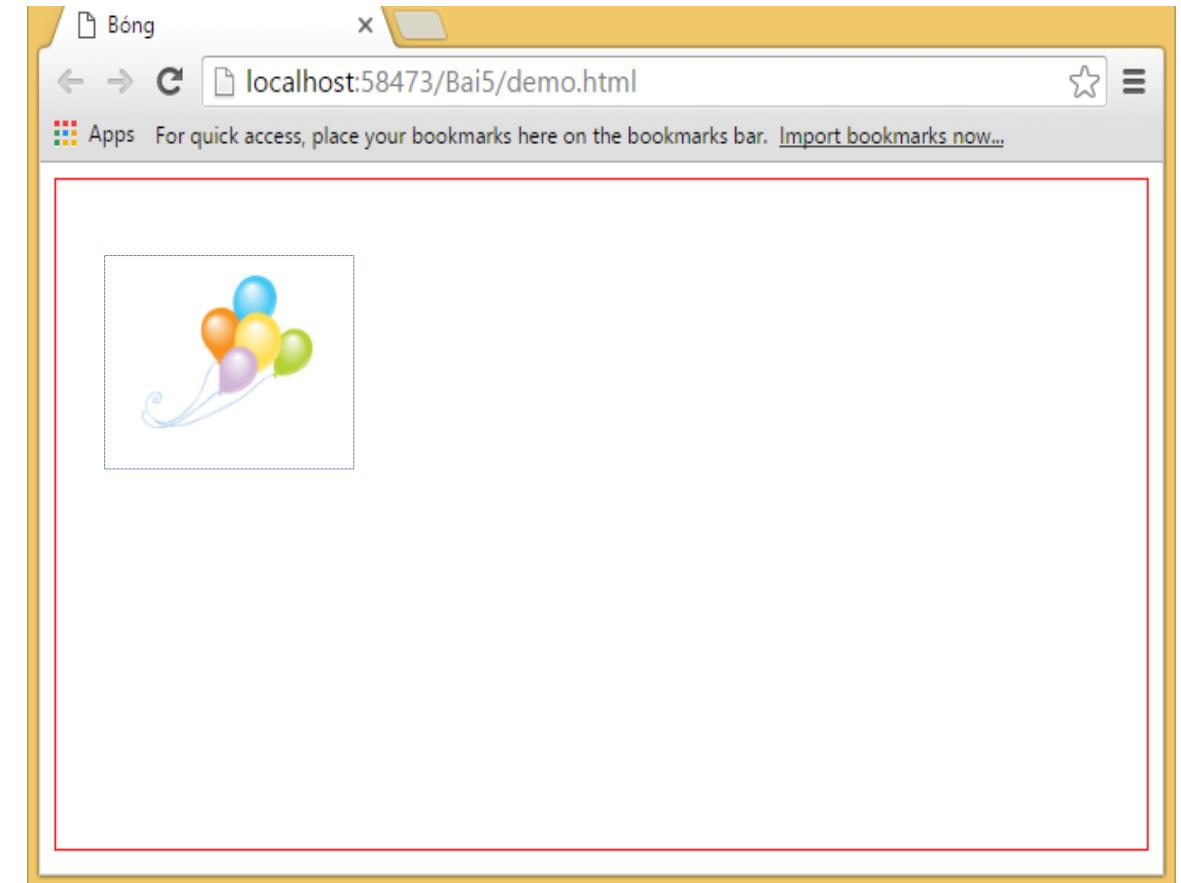
BACKGROUND-POSITION



```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
    <title>Bóng</title>
    <style>
        div {
            border:1px solid red;
            height:350px;
            background-image: url('Image/bg.png');
            background-repeat:no-repeat;
            background-position: center center;
        }
    </style>
</head>
<body>
    <div></div>
</body>
</html>
```

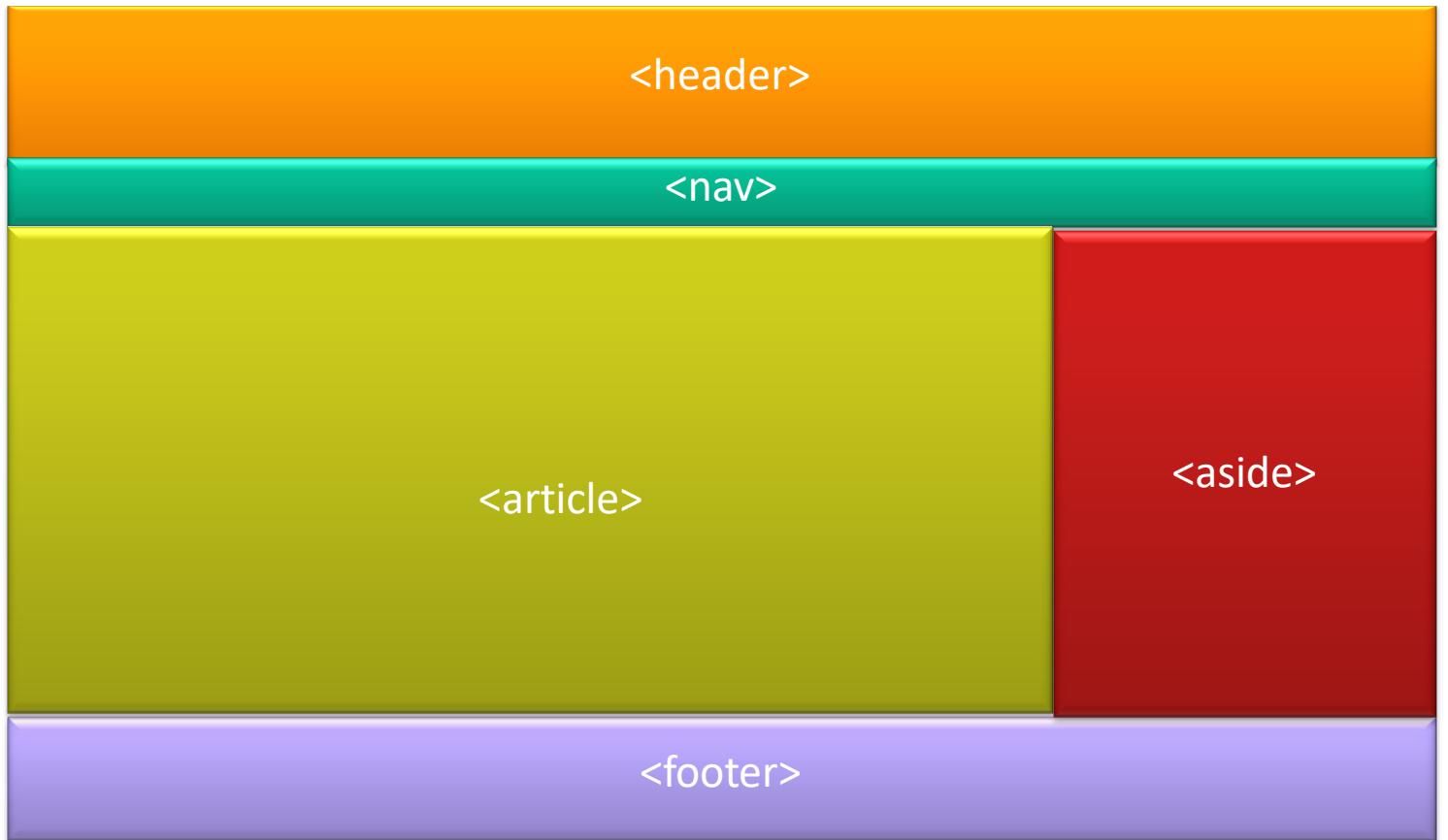
BACKGROUND-SIZE

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
    <title>Bóng</title>
    <style>
        div {
            border: 1px solid red;
            height: 350px;
            background-image: url('Image/bg.png');
            background-repeat: no-repeat;
            background-size: 100% 100%;
        }
    </style>
</head>
<body>
    <div></div>
</body>
</html>
```



THIẾT KẾ LAYOUT

- Layout là bố cục của trang web (cách sắp xếp, trình bày nội dung trên trang web).
- Các thẻ trong HTML5 thường được sử dụng để thiết kế layout gồm:
 - <header>: phần đầu
 - <nav>: phần menu
 - <article>: phần nội dung
 - <aside>: cạnh bên
 - <footer>: phần chân
 - <section>: một phần

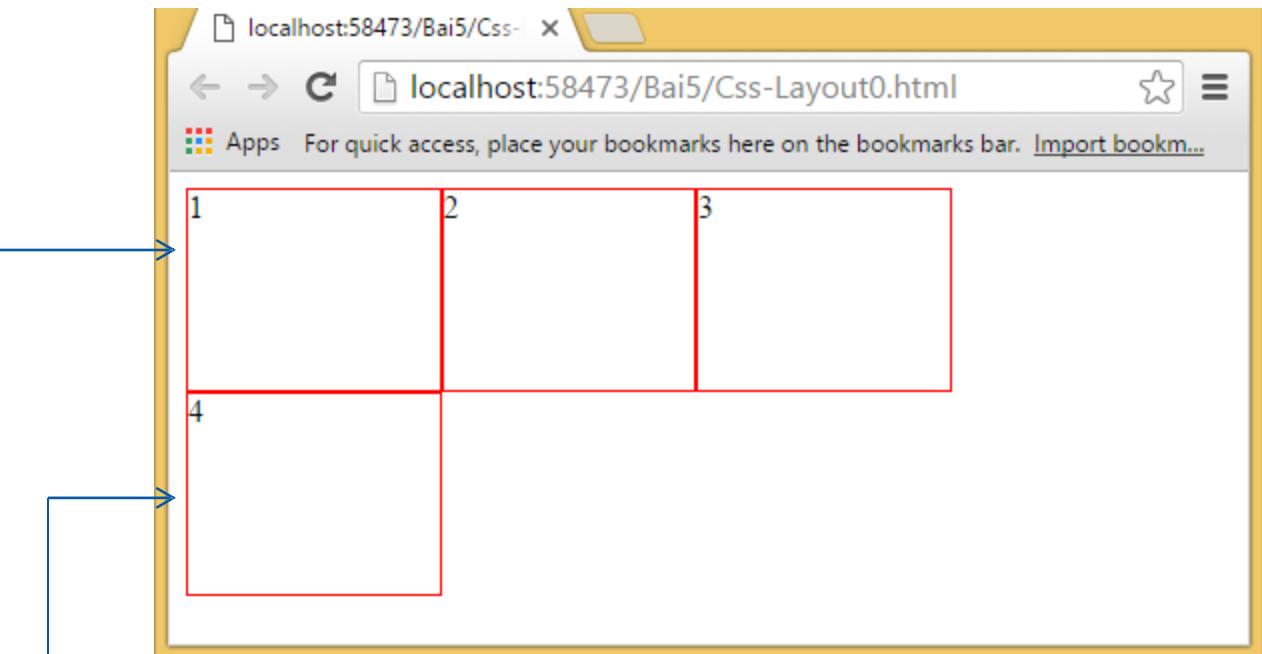


THUỘC TÍNH CSS DÙNG TRONG THIẾT KẾ LAYOUT

- Các thẻ HTML5 chỉ nói lên ý nghĩa của các vùng, thực chất nó như `<div>`.
- Để bố trí chúng trên cùng một hàng phải sử dụng thuộc tính css chuyên dụng cho thiết kế layout là **float** và **clear**
 - **float: <left hoặc right>**
 - Thả nổi hộp bên trái (left) hoặc bên phải (right)
 - **clear: <left, right hoặc both>**
 - Xóa bỏ chế độ thả nổi bên trái (left), phải (right) hoặc cả 2 bên (both)
- Chú ý: khi thả nổi một hộp thì các hộp tiếp sau sẽ tự động thả nổi theo hướng của hộp trước. Để bỏ thả nổi, phải sử dụng clear.

THUỘC TÍNH CSS THIẾT KẾ LAYOUT

```
<html>
<head>
    <title></title>
    <style>
        .d1, .d2, .d3, .d4{
            width:100px;
            height:100px;
            border:1px solid red;
        }
        .d1, .d2, .d3{
            float:left;
        }
        .d4{
            clear:both;
        }
    </style>
</head>
<body>
    <div class="d1">1</div>
    <div class="d2">2</div>
    <div class="d3">3</div>
    <div class="d4">4</div>
</body>
</html>
```

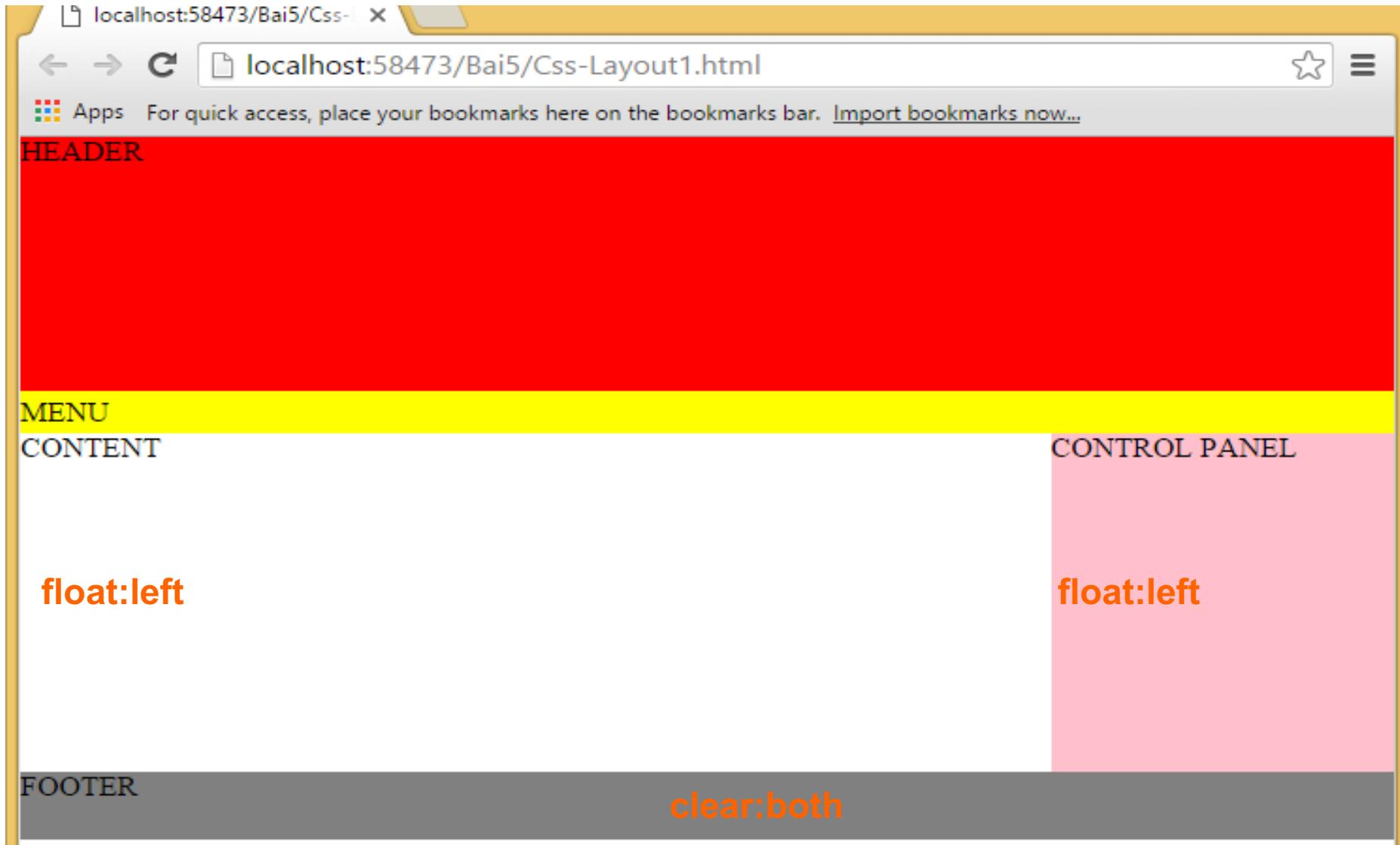


THIẾT KẾ LAYOUT

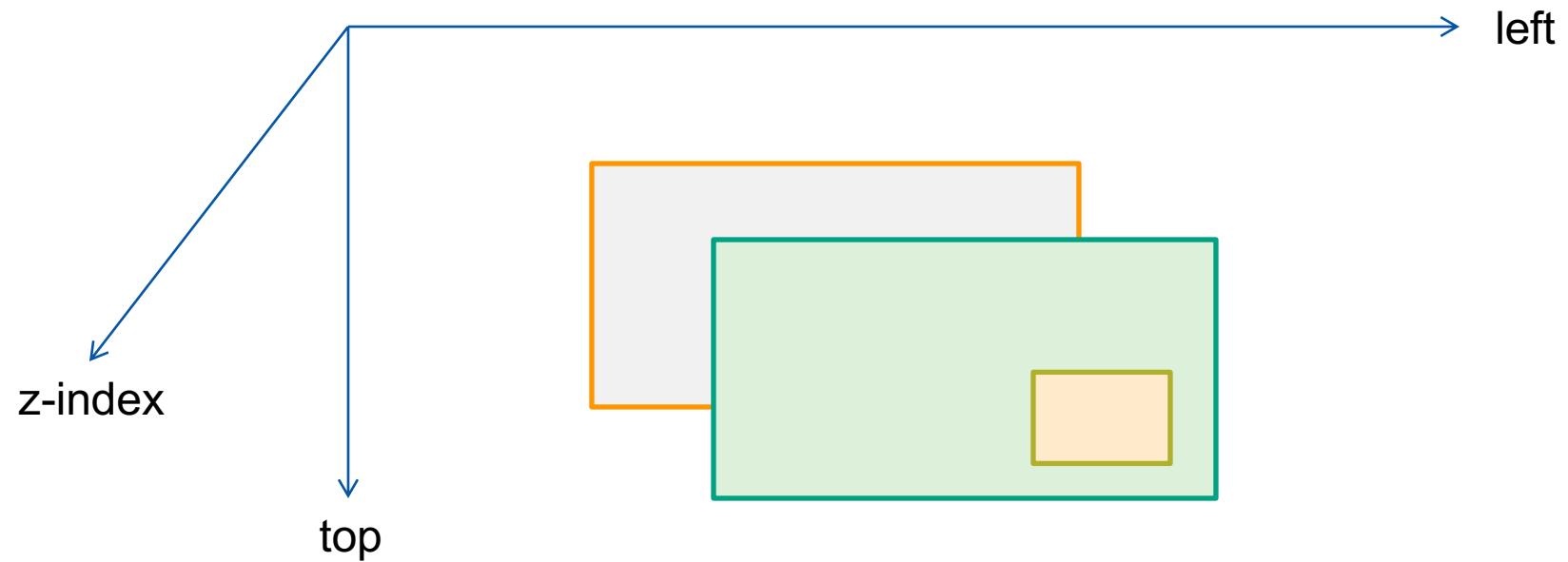
```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
    <title>Layout</title>
    <style>
        ...
    </style>
</head>
<body>
    <div class="wrapper">
        <header>HEADER</header>
        <nav>MENU</nav>
        <div>
            <article>CONTENT</article>
            <aside>CONTROL PANEL</aside>
        </div>
        <footer>FOOTER</footer>
    </div>
</body>
</html>
```

```
body{
    padding:0; margin:0;
}
header{
    height:150px; background:red;
}
nav{
    background:yellow;
    line-height:25px;
}
article{
    min-height:200px; width:75%; background:white;
    float:left;
}
aside{
    min-height:200px; width:25%; background:pink;
    float:left;
}
footer{
    height:40px; background:gray;
    clear:both;
}
```

THIẾT KẾ LAYOUT



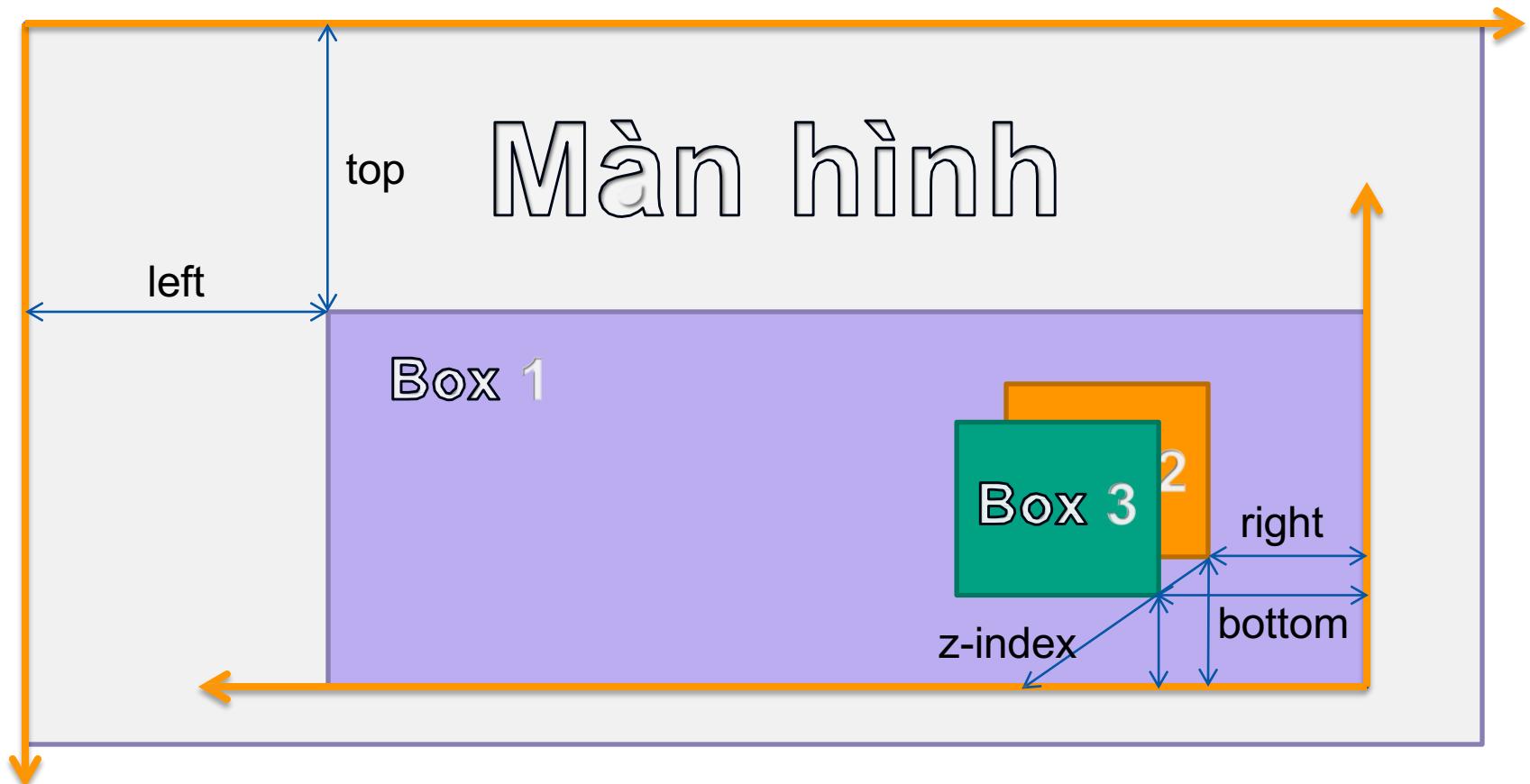
ĐỊNH VỊ TRONG CSS



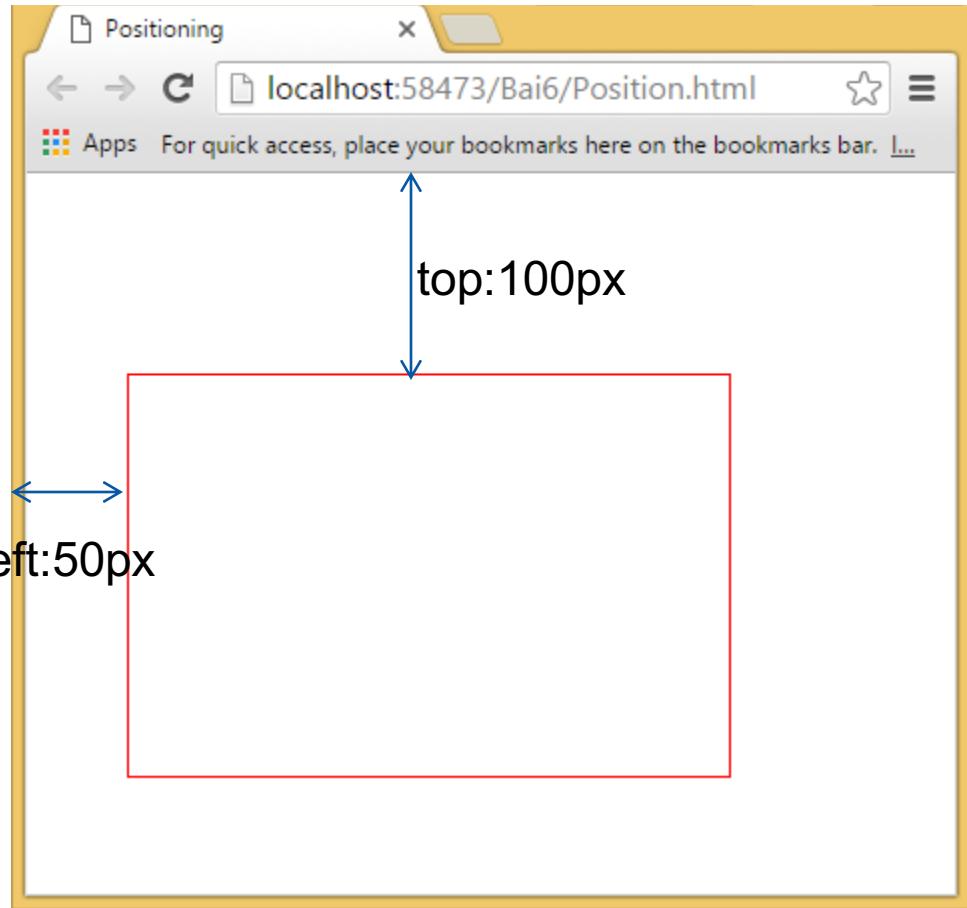
ĐỊNH VỊ

- Định vị là đặt phần tử web tại một vị trí mong muốn.
- Web cho phép định vị theo không gian 3 chiều dựa vào các thuộc tính CSS sau đây

- **Position:** định vị
- **Left:** trái
- **Right:** phải
- **Top:** trên
- **Bottom:** dưới
- **Z-index:** xếp chồng

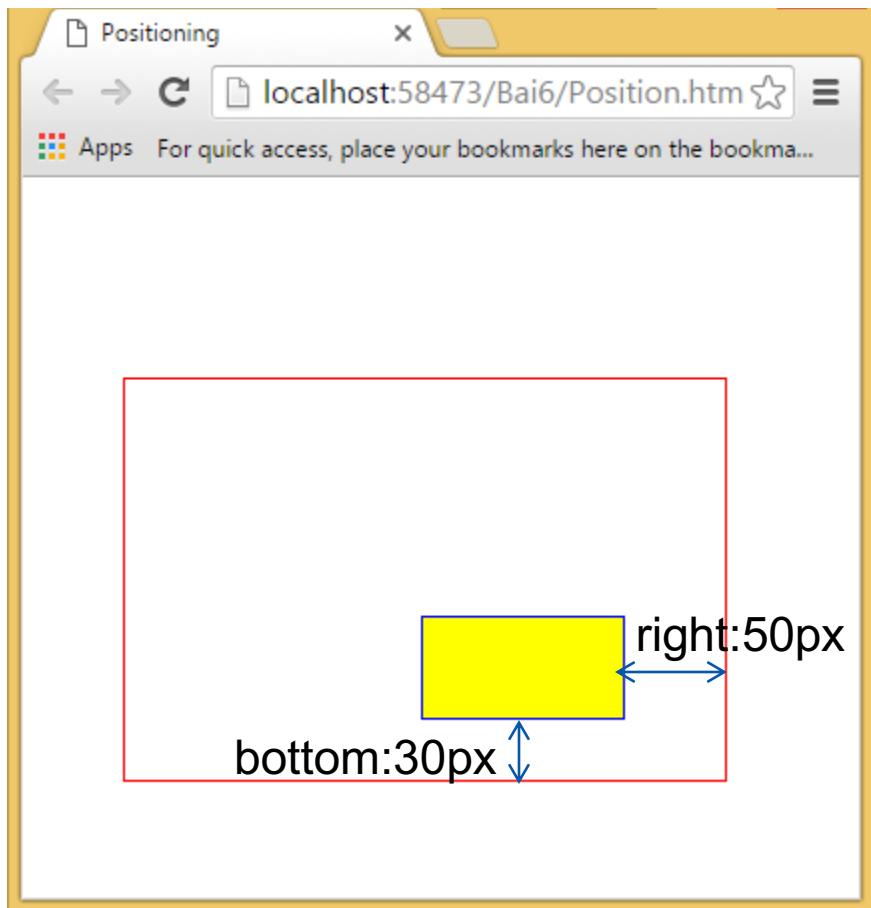


VÍ DỤ 1 ĐỊNH VỊ



```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
    <title>Positioning</title>
    <style>
        .box1{
            width:300px;
            height:200px;
            border:1px solid red;
            position:absolute;
            top:100px;
            left:50px;
        }
    </style>
</head>
<body>
    <div class="box1"></div>
</body>
</html>
```

VÍ DỤ 2 ĐỊNH VỊ



```
<style>
    .box1{
        width:300px;
        height:200px;
        border:1px solid red;
        position:absolute;
        top:100px;
        left:50px;
    }
    .box2{...}
</style>
<div class="box1">
    <div class="box2"></div>
</div>
```

The code block contains CSS styles for two classes: ".box1" and ".box2". The ".box1" style defines a red-bordered box with dimensions of 300px by 200px, positioned absolutely at top:100px and left:50px. The ".box2" style is partially defined with a yellow background and a blue border. A callout box highlights the ".box2" style properties: width:100px, height:50px, border:1px solid blue, background:yellow, position:absolute, bottom:30px, and right:50px.



CƠ CHẾ ĐỊNH VỊ

- Các giá trị của thuộc tính **position** được sử dụng để xác định cơ chế định vị gồm
 - **position:static**: tĩnh (mặc định)
 - Định vị theo sự sắp xếp tự nhiên của HTML
 - **position:absolute**: tuyệt đối
 - Định vị tuyệt đối theo các thuộc tính css **left, right, bottom, top** so với **màn hình** hoặc **thẻ chứa** nếu chế độ định vị của thẻ chứa **khác static**
 - **position:relative**: tương đối
 - Định vị tương đối theo các thuộc tính css **left, right, bottom, top** so với vị trí **tự nhiên** của HTML
 - **position:fixed**: cố định khi cuộn màn hình
 - Định vị cố định theo các thuộc tính css **left, right, bottom, top** so với **màn hình** hoặc **thẻ chứa** nếu chế độ định vị của thẻ chứa **khác static**



CƠ CHẾ ĐỊNH VỊ

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
div.fixed {
  position: fixed;
  bottom: 10px;
  right: 10px;
  width: 100px;
  height:100px;
  border: 3px solid #73AD21;
}
</style>
</head>
<body>
<h2>position: fixed;</h2>
<div class="fixed">
This div element has position: fixed;
</div>

</body>
</html>
```

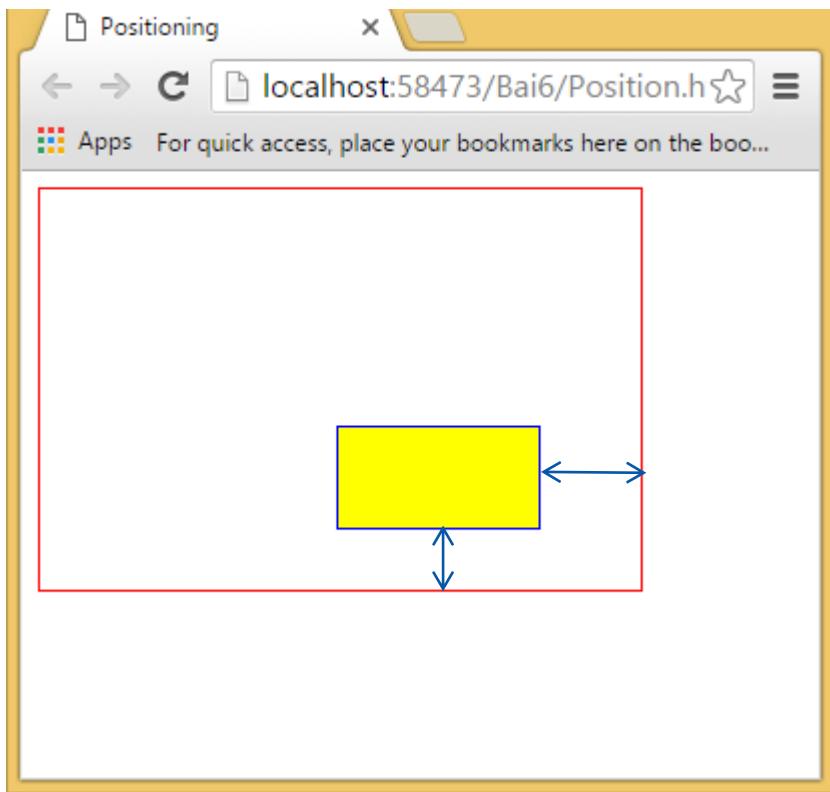
position: fixed;

This div
element has
position: fixed;



ĐỊNH VỊ TUYỆT ĐỐI THEO THẺ CHỨA

- Muốn định vị tuyệt đối theo thẻ chứa thì
 - Định vị của thẻ chứa phải khác **static**
 - Định vị của thẻ bị chứa phải là **absolute**.



```
<style>
    .box1{
        width:300px; height:200px;
        border:1px solid red;
        position:relative;
    }
    .box2{
        width:100px; height:50px;
        border:1px solid blue;
        background:yellow;
        position:absolute;
        bottom:30px;
        right:50px;
    }
</style>
<div class="box1">
    <div class="box2"></div>
</div>
```

Z-INDEX

- Z-index: Xác định thứ tự xếp chồng của các phần tử

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
img {
  position: absolute;
  left: 0px;
  top: 0px;
  z-index: -1;
}
</style>
</head>
<body>

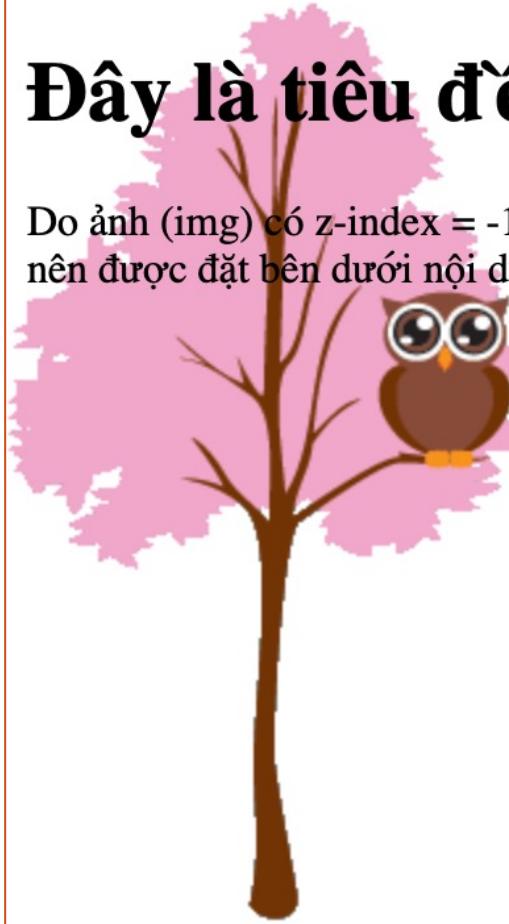
<h1>Đây là tiêu đề</h1>

<p>Do ảnh (img) có z-index = -1,
nên được đặt bên dưới nội dung text</p>

</body>
</html>
```

Đây là tiêu đề

Do ảnh (img) có z-index = -1,
nên được đặt bên dưới nội dung text



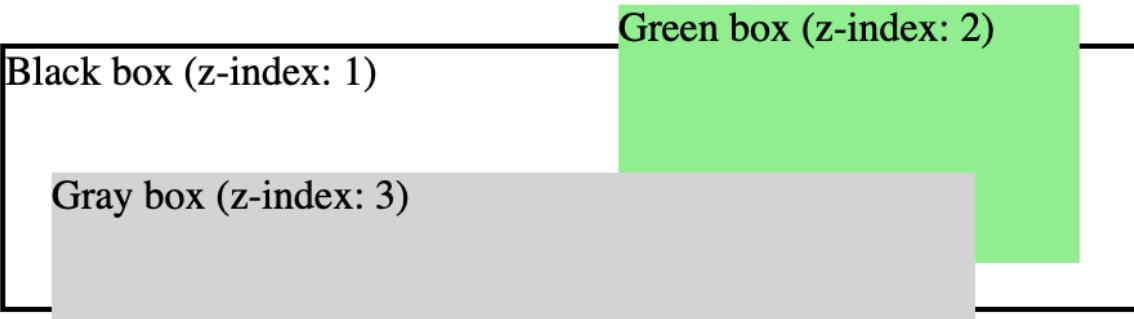
VI DỤ Z-INDEX

```
.container {  
    position: relative;  
}  
  
.black-box {  
    position: relative;  
    z-index: 1;  
    border: 2px solid black;  
    height: 100px;  
    margin: 30px;  
}  
  
.gray-box {  
    position: absolute;  
    z-index: 3;  
    background: lightgray;  
    height: 60px;  
    width: 70%;  
    left: 50px;  
    top: 50px;  
}  
  
.green-box {  
    position: absolute;  
    z-index: 2;  
    background: lightgreen;  
    width: 35%;  
    left: 270px;  
    top: -15px;  
    height: 100px;  
}
```

```
<body>  
  
<h1>Z-index Example</h1>  
  
<p>An element with greater stack order is always above an element with a lower stack order.</p>  
  
<div class="container">  
    <div class="black-box">Black box (z-index: 1)</div>  
    <div class="gray-box">Gray box (z-index: 3)</div>  
    <div class="green-box">Green box (z-index: 2)</div>  
</div>  
  
</body>
```

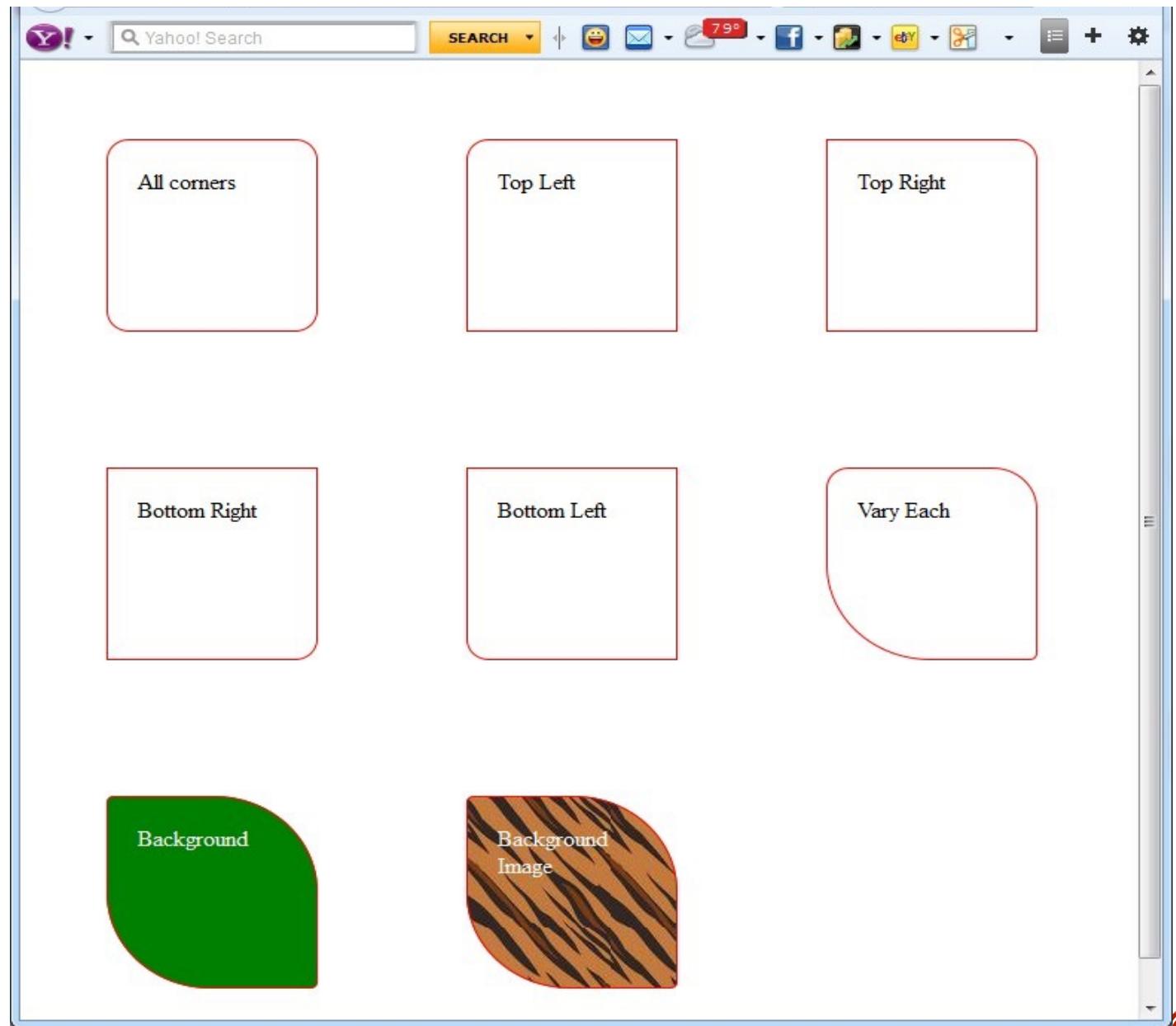
Z-index Example

An element with greater stack order is always above an element with a lower stack order.



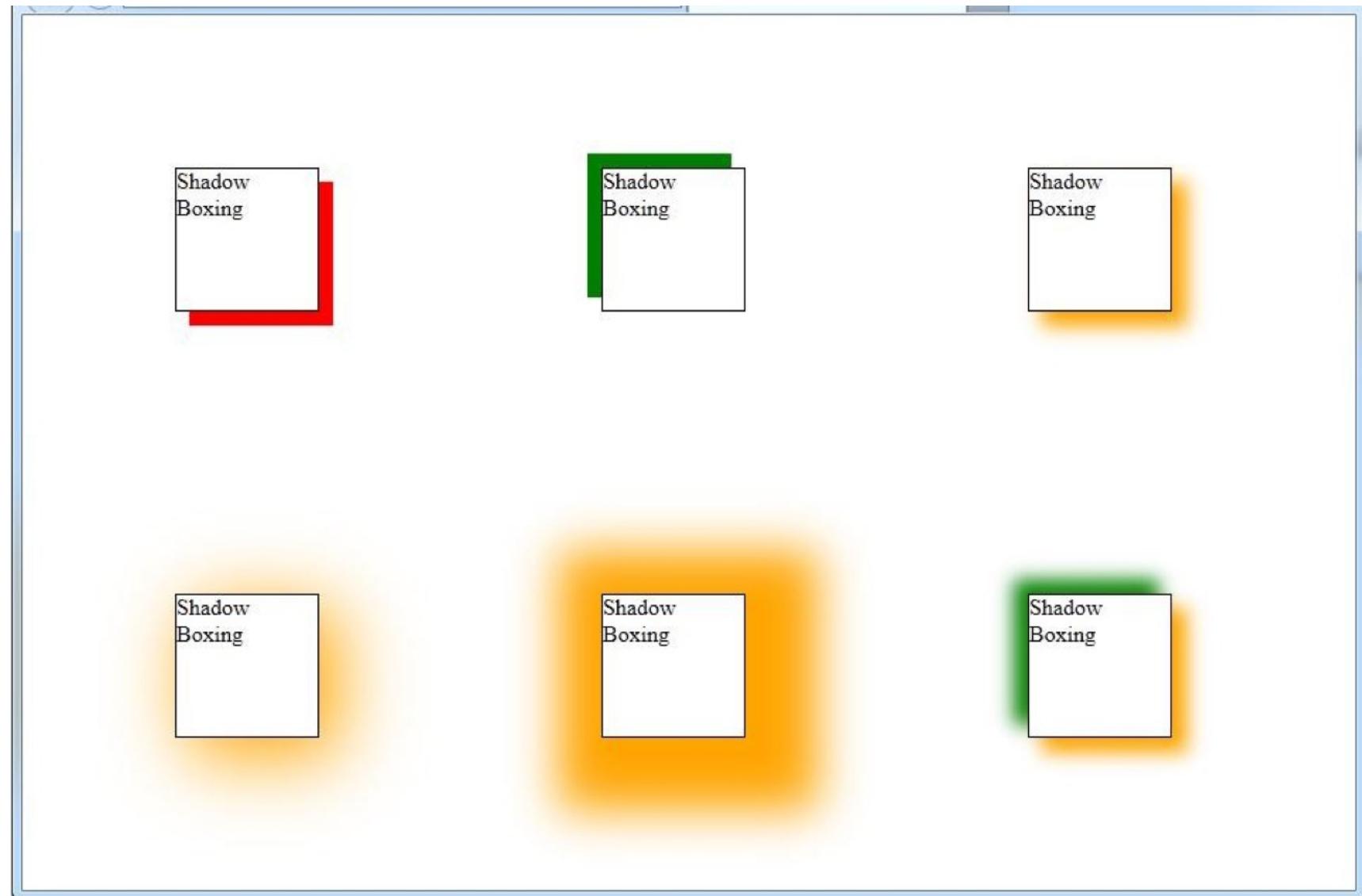
BÀI TẬP

Thiết kế giao diện
HTML & CSS cho
trang web sau:



BÀI TẬP

Thiết kế giao diện
HTML & CSS cho
trang web sau:



BÀI TẬP

Thiết kế giao diện
HTML & CSS cho
trang web sau:



CATEGORY ARCHIVES: TIN TỨC

HỘI THẢO ĐÀO TẠO KỸ SƯ THỰC HÀNH NGÀNH KỸ THUẬT NHIỆT - ĐIỆN LẠNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á

Với mong muốn đóng góp hiệu quả vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực...



SINH VIÊN KHOA DU LỊCH THAM QUAN TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ TẠI KHÁCH SẠN 5 SAO

Tuần qua, sinh viên chuyên ngành Quản trị Khách sạn K11, Khoa Du lịch -...



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á DỰ HỘI NGHỊ KẾT NỐI ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CHO NGÀNH SẢN XUẤT

Sáng ngày 29/3/2023, tại Công ty CP Công nghiệp JK Việt Nam, Trường Đại học...



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á: LỄ TUYÊN DƯƠNG SINH VIÊN ƯU TÚ VIỆN ĐÀO TẠO VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Sáng nay 24/3, Ts. Đinh Văn Thành - Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ...

Tên Sinh Viên *

Địa chỉ *

Điện thoại *

 VD: 0123456789

Ngành 1 *

Vui lòng chọn

Đăng ký

- [Tuyển sinh sau Đại học](#)
- [Tuyển sinh Đại học](#)
- [Học bổng](#)
- [Việc Làm](#)
- [Du học](#)
- [Đăng ký học](#)
- [Quy trình nhập học](#)
- [Tuyển sinh liên thông](#)
- [Học Phí](#)